

Số: /QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng
máy móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hòa Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13
ngày 22/6/2015;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

*Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng
Chính phủ qui định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGD&ĐT ngày 04/10/2019 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị
chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 201/HĐND-TH ngày 30/7/2020 của Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị
chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi tỉnh quản lý;*

*Xét đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 739/TTr-
SGD&ĐT ngày 30/3/2020; Sở Tài chính tại Công văn số 1289/STC-QLG&CS
ngày 12/6/2020,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy
móc, thiết bị chuyên dùng lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi tỉnh quản
lý theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2.

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy
định tại Điều 1 của Quyết định này, các cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện việc
trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nhu
cầu sử dụng; khả năng cân đối ngân sách và nguồn kinh phí giao bảo đảm tiết
kiệm, hiệu quả.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế danh mục máy móc, thiết bị chuyên dùng ngành Giáo dục và Đào tạo có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản ban hành tại Phụ lục I, Mục IX, Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính; Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ GD&ĐT;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo;
- Chánh, Phó CVP/UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM,LT(23^b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Đức Hình

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC,
THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH HÒA BÌNH**

(Phụ biểu Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
I	Máy móc thiết bị phục vụ công tác quản lý, hành chính trong cơ quan quản lý, các cơ sở giáo dục và đào tạo			
1	Thiết bị phục vụ cho công tác thi và tuyển sinh, đánh giá, kiểm định chất lượng tại Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo			
	Máy tính (Cấu hình theo yêu cầu)	Bộ	03	
	Máy in siêu tốc chuyên dùng	Chiếc	03	
	Máy photocopy chuyên dùng	Chiếc	03	
	Máy scan chuyên dùng	Chiếc	02	
	Máy chấm chắc nghiệm (Máy scan + Phần mềm)	Chiếc	02	
2	Thiết bị chuyên dùng cho Phòng họp, Phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, Phòng đoàn đội, Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập, Phòng tư vấn học sinh			
	Bộ Bàn ghế họp hoặc làm việc nhóm	Bộ/ Phòng	01	
	Máy chiếu + màn chiếu (hoặc ti vi)	Bộ/ Phòng	01	
3	Thiết bị chuyên dùng cho Phòng truyền thống, Phòng y tế			
	Bộ Bàn ghế họp hoặc làm việc nhóm	Bộ/Phòng	01	
	Giường y tế	Chiếc/ Phòng	01	
II	Thiết bị trang bị phục vụ giảng dạy, học tập trong các cơ sở giáo dục và cơ sở đào tạo (Trường CDSP Hòa Bình)			
1	Thiết bị có trong danh mục thiết bị dạy học theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (Máy móc, thiết bị đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định)			
	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi cho giáo dục mầm non	Bộ/ Trường	05	Danh mục thiết bị theo qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo
	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học	Bộ/ Trường	10	
	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THCS	Bộ/ Trường	10	
	Thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT	Bộ/ Trường	10	
	Thiết bị môn Giáo dục quốc phòng	Bộ/ Trường	10	

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
2	Thiết bị, đồ dùng nhà ăn, nhà bếp khu ở nội trú phục vụ cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ và học sinh, sinh viên, học viên	Bộ/ Trường	05	
	Bàn sơ chế (01 chiếc)			
	Bàn chia thức ăn (01 chiếc)			
	Bàn để bát đĩa (01 chiếc)			
	Tủ cơm (01 chiếc)			
	Bếp ga (01 bộ bao gồm bếp + Bình ga)			
	Thiết bị bảo quản (Tủ bảo quản + Tủ lạnh lưu mẫu thức ăn) (01 bộ)			
	Tủ sấy bát đĩa (01 chiếc)			
3	Thiết bị chuyên dùng phòng học	Phòng/ Trường	30	
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu (hặc ti vi) (01 bộ/01 phòng)			
4	Thiết bị chuyên dùng phòng thực hành tin học	Phòng/ Trường	05	
	Máy chủ (01 bộ/01 phòng)			
	Máy tính cho giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Máy tính học sinh (45 bộ/01 phòng)			
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu (hoặc ti vi) (01 bộ/01 phòng)			
	Điều hòa nhiệt độ (02 chiếc/01 phòng)			
5	Thiết bị chuyên dùng Phòng giáo dục nghệ thuật	Phòng/ Trường	02	
	Đàn Piano cho giáo viên (01 chiếc /phòng)			
	Đàn Piano cho học sinh (22 chiếc /phòng)			
	Đàn Organ cho giáo viên (01 chiếc/phòng)			
	Đàn Organ cho học sinh (22 chiếc/phòng)			
	Thiết bị âm thanh (loa, catset, âm ly) (01 bộ/ 01 phòng)			
	Máy ảnh (01 chiếc/01 phòng)			
6	Thiết bị chuyên dùng phòng thực hành dạy và học ngoại ngữ	Phòng/ Trường	05	
	Máy chủ (01 bộ/01 phòng)			
	Máy tính cho giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Máy tính học sinh (45 bộ/01 phòng)			
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu (hoặc ti vi) (01 bộ/01 phòng)			
	Bảng Tương Tác Thông Minh + Giá Đỡ di động + Phần mềm dạy học (01 bộ/1 phòng)			

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
7	Thiết bị chuyên dùng phòng học thực hành Vật lý - Công nghệ	Phòng/ Trường	05	
	Bộ thí nghiệm nâng cao, tiên tiến môn Vật lý (bao gồm các phân môn: Cơ, nhiệt, điện, quang) (08 học sinh/01bộ)			
	Bàn, ghế thí nghiệm thực hành Lý giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Bàn, ghế thí nghiệm thực hành Lý học sinh (45 chỗ/01 phòng)			
	Tủ phòng bộ môn (01 chiếc/01 phòng)			
	Tủ đựng dụng cụ (01 chiếc/01 phòng)			
	Tủ điều khiển điện trung tâm (01 chiếc/01 phòng)			
	Máy tính cho giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Máy chiếu đa năng + màn chiếu (hoặc ti vi) (01 bộ/01 phòng)			
8	Thiết bị chuyên dùng phòng học thực hành Hóa Sinh	Phòng/ Trường	05	
	Bàn, ghế thí nghiệm giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Bàn, ghế thí nghiệm học sinh (45 chỗ/01 phòng)			
	Kính hiển vi (20 bộ/1 phòng)			
	Tủ phòng thí nghiệm (01 chiếc/01 phòng)			
	Tủ đựng hóa chất (02 chiếc/01 phòng)			
	Tủ điều khiển điện trung tâm (01 chiếc/01 phòng)			
	Bộ thí nghiệm nâng cao, tiên tiến môn hóa học (08 học sinh/01bộ)			
	Bộ thí nghiệm nâng cao, tiên tiến môn sinh học (08 học sinh/01bộ)			
9	Thiết bị chuyên dùng phòng Thư viện	Phòng/ Trường	03	
	Máy tính (01 bộ/01 phòng)			
	Máy điều hòa nhiệt độ (02 chiếc/01 phòng)			
	Máy hút bụi (01 chiếc/01 phòng)			
10	Hệ thống thiết bị chuyên dùng phòng học nghe nhìn, phòng học thông minh	Phòng/ Trường	03	
	Bảng Tương Tác Thông Minh + Giá Đỡ di động + Phần mềm dạy học (01 bộ/01 phòng)			
	Bộ thiết bị trả lời trắc nghiệm và Voting gồm: Bộ thu tín hiệu + Bộ điều khiển cho giáo viên (01 bộ/01 phòng)			
	Thiết bị điều khiển cho giáo viên, học sinh (01 bộ/01 phòng)			
	Thiết bị âm thanh phòng học: Âm ly, loa, micro (01 bộ/01 phòng)			
	Máy chiếu gần (01 chiếc/01 phòng)			

TT	Chủng loại máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Định mức tối đa	Ghi chú
11	Thiết bị chuyên dùng Nhà đa chức năng	Bộ/ Trường	02	
	Thiết bị âm thanh chuyên dùng: Loa, âm ly, micro (công suất lớn) (01 bộ/01 nhà)			
	Thiết bị ánh sáng chuyên dùng: Đèn sân khấu, đèn trang trí (01 bộ/01 nhà)			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH